



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No

EXIT VISA: _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LAM VAN NHUNG
Last Middle First

Current Address Ấp Phước Hưng Thị Xã Phước Chí, Trảng Bàng, Tây Ninh

Date of Birth 07/14/44 Place of Birth VN (Tây Ninh)

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 06/27/75 To 05/15/84

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Lâm Văn Nhũn
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
01- Mary Thị Thiệp	1942	wife
02- Lâm Quốc Nhã	1968	son
03- Lâm Quốc Thi	1970	son
04- Lâm Hiền Nghĩa	1972	-

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NHẬP ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____

Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Orderly Departure Office
Paukabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : LÂM VĂN NHƯNG Sex: Nam /
Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 14/7/1944 Phước Chi TÂY NINH.
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : Ấp Phước Hưng III xã Phước Chi Huyện Trảng Bàng
Tỉnh TÂY NINH
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : Đ. 1 Đường K6 (cũ) Cholon TP Hồ Chí Minh.
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Làm ruộng

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>Trang Thị Thiệp</u>	<u>1942</u>	<u>Sway Rieng Conaen</u>	<u>♀</u>	<u>góa phụ</u>	<u>Vợ</u>
2. _____	_____	_____	_____	_____	_____
3. <u>Lâm Quốc Nhã</u>	<u>1968</u>	<u>Tây Ninh</u>	<u>♂</u>	<u>-</u>	<u>Con</u>
4. _____	_____	_____	_____	_____	_____
5. <u>Lâm Quốc Thi</u>	<u>1970</u>	<u>Tây Ninh</u>	<u>♂</u>	<u>-</u>	<u>Con</u>
6. _____	_____	_____	_____	_____	_____
7. <u>Lâm Hiền Nghĩa</u>	<u>1972</u>	<u>-</u>	<u>♂</u>	<u>-</u>	<u>Con</u>
8. _____	_____	_____	_____	_____	_____
9. _____	_____	_____	_____	_____	_____
10. _____	_____	_____	_____	_____	_____
11. _____	_____	_____	_____	_____	_____
12. _____	_____	_____	_____	_____	_____

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thủ (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Mãng Ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

: Nguyễn Thị Rõ

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

: Chị

c. Address
Địa-chỉ

: _____

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

: 1978

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, Tên

: _____

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

: _____

c. Address
Địa-chỉ

: _____

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

: Lâm Văn Ba (Chết)

2. Mother
Mẹ

: Hồ Thị Cảnh 1910

3. Spouse
Vợ/Chồng:

: Nguyễn Thị Thiệp 1942

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):

: _____

5. Children
Con cái:

(1) Lâm Quốc Nha

(2) _____

(3) Lâm Quốc Thi

(4) Lâm Hiếu Nghĩa

(5) _____

(6) _____

(7) _____

(8) _____

(9) _____

6. Siblings
Anh chị em:

(1) Lâm Văn Long (lâm riêng)

(2) _____

(3) Lâm Văn Quý (lâm riêng)

(4) _____

(5) _____

(6) _____

(7) _____

(8) _____

(9) _____

2. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

7. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: LÂM - VĂN - NHƯNG

2. Dates: From: _____ To: _____
Ngày, tháng, năm Từ _____ Đến _____
1968 30-4-68

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng: Đại úy Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: _____

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : Phòng 222 Cảnh Sát Đà Nẵng

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Trung tá Lai Văn Sang Phòng 222 Cảnh Sát Đà Nẵng
Trưởng Phòng 222 Cảnh Sát Đà Nẵng

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam

9. U.S. Awards or Certificates
Name of award:
Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Date received:
Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes No .)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đường sự có không? Có Không .)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:
Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates: From To
Ngày, tháng, năm Từ: Đến:

4. Description of Courses:
Mô-tả ngành học:

5. Who paid for training?
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không .)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo: LÂM VĂN NHƯNG

2. Time in Reeducation: From To
Thời gian học-tập Từ: 24.6.45 Đến: 5-1984

3. Still in Reeducation? Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo? Có Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)
*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks/Các chú phụ-thuộc

Signature
Ký tên:

Date
Ngày:

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 101-GLT ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại Thủ Đức
Số 322 GRI

Học tập - Tự do - Hạnh phúc

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SUSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 965-BCA TT ngày 20-5-1961 của Bộ Nội vụ

Tại hành án văn, quyết định của

203

ngày

tháng 4

năm 1984

của Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

LÂM VĂN NHƯNG

Sinh năm 19 44

Các tên gọi khác

Nơi sinh Tây Ninh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bắt Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Cán tại Đại úy đội đội trưởng CSĐC

Bị bắt ngày 27-6-75

Án phạt 2TCT

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tăng án

lần, cộng thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Trong thời gian học tập cải tạo ở trại, anh tiến bộ, chấp hành kỷ luật nghiêm chỉnh, lao động và học tập tốt.

Thời hạn quản chế 12 tháng.

Hiện ở quê nhà để gia đình.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường xã

Nơi về cư trú

Trước ngày 19 tháng 5

năm 19 84

Lần tay ngón út phải

Của Lâm Văn Nhũng

Danh bìa

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được thả

Nhũng

Ngày 15 tháng 5 năm 19 84



Thư ký: Phạm Hữu Sơn

Anh: Lân, Văn, Hoàng, Cao, Đức,
sinh ngày hạ tuần tháng 5.

Phải em 5.18.68.



Nguyễn Hiệp Phong

KHAI SANH

Số. 308



Tên họ ấu nhi	Lâm-Quốc-Thị
Phái	Nam
Sinh ngày tháng năm Ngày tháng năm	ngày hai mươi tháng mười năm một ngàn chín trăm bảy mươi.
Tại	Bình-thành.
Cha (Tên họ)	Lâm-Văn-Những.
Tuổi	Hai mươi sáu.
Nghề-nghiệp	Quân-nhân.
Cư-trú tại	Bình-Thành.
Me (Tên họ)	Mang-thị-Thiếp.
Tuổi	Hai mươi tám.
Nghề-nghiệp	Hội-trợ
Cư-trú tại	Bình-Thành.
Vợ (Chánh hay thứ)	Chánh
Người khai (Tên họ)	Lâm-Văn-Những
Tuổi	Hai mươi sáu
Nghề-nghiệp	Quân-nhân.
Cư-trú tại	Bình-Thành
Ngày khai	27 tháng 10 năm 1970
Người chứng thứ nhất (Tên họ)	Trịnh-Văn-Minh.
Tuổi	Bốn mươi sáu
Nghề-nghiệp	Làm mướn
Cư-trú tại	Bình-Thành
Người chứng thứ nhì (Tên họ)	Nguyễn-Văn-Phước
Tuổi	Ba mươi sáu
Nghề-nghiệp	Làm ruộng
Cư-trú tại	Bình-Thành

Sao y bộ chánh-
Bình-Thành ngày 27/10/1970
Ủy viên hộ-tịch.



Hà-Văn-Ngộ.

Làm tại Xã Bình-Thành ngày 27 tháng 10 năm 1970

Người khai, Hộ-tịch, Nhân chứng,

Lâm-Văn-Những. Hà-Văn-Ngộ. Trịnh-Văn-Minh
(Ký) (Ký) (Ký)

Nguyễn-Văn-Phước
(Ký)

54
VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
République du Viêt-Nam
TỐI-CAO PHÁP-VIỆT
(Cour Suprême)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA Tây-Ninh
GREFFE DU TRIBUNAL DE _____

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH xã Bình-Thạnh
(Extrait du registre des actes de naissance) Tây-Ninh

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1967
(Année)

SỐ HIỆU 243
(Acte N°)



Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	<u>Lên-quốc-Nhà</u>
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	<u>Nam</u>
Sinh ngày nào (Date de naissance)	<u>ngày mười bảy tháng mười một</u> <u>năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy</u>
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	<u>Bình-Thạnh</u>
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	<u>Lên-văn-Những</u>
Cha làm nghề gì (Sa profession)	<u>làm vườn</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Bình-Thạnh</u>
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	<u>Mang-thị-Thị ệp</u>
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	<u>làm vườn</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Bình-Thạnh</u>
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	<u>Chánh</u>

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Tây-Ninh ngày 7-9- 197 2

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHIEF)



Giá tiền: 158
(Cout) 3421/KS
Biên-lai số _____
(Quittance N°)

Nguyễn Ngọc Chấn

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: 5

Lập ngày 20 tháng 12 năm 19 72

TAM.6

~~ĐƯỜNG~~

Số hiệu: 12257 B

MIỄN PHÍ QUAN VU



Tên họ đứa trẻ. . . .	LAM HUU NGHIA
Con trai hay con gái. .	Nam
Ngày sanh.	Ngày mười bảy tháng chạp, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai, hồi 17 ^h 55
Nơi sanh.	128, Đại lộ Hùng Vương
Tên họ người cha. . .	LAM VAN NHUNG
Tên họ người mẹ. . .	MANG THI THIET
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	Phan khắc Thiệu



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 15 tháng 8 năm 19 73

Viên-Chức Hộ Tịch,

Ước

PHAN-THI-HỒNG-HOÀ
Tham-Bộ Hành-Chánh

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH PHỐ

Tên họ - Tuổi - Giới tính

QUẬN Hố Nai - Thủ Đức

XÃ Thanh - Phước

Số hiệu:

23



TRÍCH-LỤC

CHƯNG-THƯ HÔN-THƯ

Tên họ người chồng LÊ - VĂN - HƯỜNG

nghe-nghiep LÊ - NIÊN

sinh ngày 19 tháng 7 năm 1944

tại PHƯỚC - GIỚI (Tây-Hồ-Nh)

cư sở tại BÌNH - Thạnh

tạm trú tại BÌNH - Thạnh

Tên họ cha chồng LÊ - VĂN - BA 66 tuổi (

Sống chết Phải ghi rõ

Tên họ mẹ chồng BÈ - THỊ - GIANG 56 tuổi

Sống chết Phải ghi rõ

Tên họ người vợ HANG - THỊ - THUẬN

nghe-nghiep LÊ - NIÊN

sinh ngày / tháng / năm 1943

tại GIANG - GIANG (Cao-Miêng)

cư sở tại THANH - Phước

tạm trú tại THANH - Phước

Tên họ cha vợ HANG - VĂN - CHÂN 55 tuổi

Sống chết Phải ghi rõ

Tên họ mẹ vợ NGUYỄN - THỊ - HẢI 54 tuổi

Sống chết phải ghi rõ

—Ngày cưới 6 tháng 11 năm 1966

—Vợ chồng khai có hay không lập hôn ước

ngày tháng năm

tại

Trích lục y bản chính

ngày tháng năm

Thanh - Phước

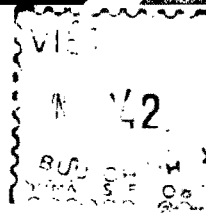
Văn Chức Hộ-Tịch

1972



LÊ - VĂN - HƯỜNG

Lâm Văn Hùng
Số 1 Đường #6 Quận TP Hồ Chí Minh (South Vietnam)



BT KHUC MINH THO
P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA. 22205-0635

U.S.A



PAR AVION VIA AIR MAIL